

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC TẬP LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO CỦA CÁN BỘ CHIẾN SĨ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - HẬU CẦN CÔNG AN NHÂN DÂN

TS. Nguyễn Kim Huy¹; ThS. Dương Thị Lý²

Tóm tắt: Phong trào tập luyện thể dục thể thao của cán bộ, chiến sĩ Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân trong những năm qua đã và đang giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong việc giáo dục toàn diện, nâng cao thể lực cho CBCS. Để phong trào tập luyện của cán bộ, chiến sĩ tiếp tục phát triển hơn nữa thì cần phải đánh giá thực trạng và có giải pháp phù hợp để mạng lại hiệu quả hơn nữa đối với việc nâng cao thể lực cho cán bộ, chiến sĩ trong Nhà trường.

Từ khóa: Phong trào; thể dục, thể thao; giải pháp; nâng cao thể lực.

Summary: In recent years, the movement of physical training and sports among the officers and soldiers of the People's Public Security University of Logistics and Technology has played a crucial role in comprehensive education and enhancing physical fitness. To further develop this movement, it is necessary to evaluate the current situation and implement appropriate solutions to more effectively improve the physical fitness of the officers and soldiers in the University.

Keywords: Movement; physical training; sports; solutions; physical fitness enhancement.

1. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân là cơ sở đào tạo đầu ngành về khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin của Bộ Công an, được thành lập trên cơ sở phát triển và nâng cấp từ Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ. Với bề dày lịch sử 40 năm xây dựng và trưởng thành, Nhà trường được Bộ Công an xác định là trung tâm nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin của lực lượng Công an nhân dân (CAND).

Để đánh giá thực trạng tập hoạt động tập luyện TĐTT của cán bộ chiến sĩ (CBCS) Nhà trường hiện nay, chúng tôi tiến hành quan sát trực tiếp kết hợp với phỏng vấn các cán bộ, giáo viên và học viên trong Nhà trường, với các nội dung: Thực trạng tập luyện thể dục thể thao (TĐTT); cơ sở vật chất, sân bãi phục vụ tập luyện, đội ngũ giáo viên, hình thức, nội dung tập luyện TĐTT ngoại khóa... Việc đánh giá được tiến hành trên thực tế hoạt động tập luyện TĐTT của CBCS nhà trường.

Để giải quyết những mục tiêu đặt ra, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: tham khảo và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn; quan sát sự phạm; thống kê toán.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Thực trạng hình thức tập luyện thể dục thể

thao của CBCS trong Nhà trường

Với mục đích đánh giá thực trạng hình thức hoạt động tập luyện TĐTT của CBCS trong Nhà trường, đề tài tiến hành khảo sát hình thức tổ chức tập luyện và hình thức tập luyện của 300 CBCS Nhà trường. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Kết quả bảng 1 cho thấy: Về hình thức tập luyện: Phần lớn CBCS trong Nhà trường tập luyện TĐTT theo hình thức tự tập luyện (chiếm tới 72.7% số CBCS), các hình thức tập luyện khác chiếm tỷ lệ ít hơn; tỷ lệ CBCS nam tham gia các hình thức tập luyện TĐTT là nhiều hơn nữ.

Về hình thức tổ chức tập luyện: Tương ứng với các hình thức tập luyện, hình thức tổ chức tập luyện chủ yếu của CBCS là không có người hướng dẫn (chiếm tới hơn 90%). Chỉ có dưới 10% số CBCS tập luyện TĐTT có người hướng dẫn và kết hợp có hoặc không có người hướng dẫn.

Qua vấn đề nghiên cứu trên, đề tài cho thấy thực trạng về hình thức hoạt động tập luyện TĐTT của CBCS Nhà trường dù xét ở góc độ tổng thể hay theo giới tính đều cho thấy là rất tản mạn, do nhiều khó khăn nên các hình thức mà CBCS lựa chọn có thể phụ thuộc theo điều kiện thực tế chứ không hẳn là do yêu thích. Trong đó, hình thức đơn giản nhất đó là tự tập luyện và hình thức tập luyện theo nhóm lớp. Điều đó chứng tỏ công tác TĐTT trong Nhà trường

chưa thực sự thu hút được đông đảo CBCS và chưa đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của CBCS, cần thay đổi toàn diện hiện trạng này, để nâng cao hiệu quả trong công tác TDTT của nhà trường.

2.2. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện thể dục thể thao cho CBCS của Nhà trường

Thực trạng cơ sở vật chất của Nhà trường có ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng công tác TDTT

của CBCS trong Nhà trường. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh phí hiện tại của Nhà trường còn nhiều khó khăn, do đó, việc tận dụng tối đa cơ sở vật chất sẵn có, có biện pháp bảo quản và sử dụng số lượng cơ sở vật chất sẵn có của nhà trường, có vai trò vô cùng quan trọng.

Để đánh giá thực trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động tập luyện TDTT cho CBCS Nhà trường,

Bảng 1. Thực trạng hình thức tập luyện TDTT của CBCS trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND (n=300)

TT	Nội dung mi		Tổng số (n = 300)		CBCS nam (n = 220)		CBCS nữ (n = 80)	
			%	m _i	%	m _i	%	m _i
1	Hình thức tập luyện	Thể dục buổi sáng	62	20.7	48	21.8	14	17.5
2		Thể dục giữa giờ	0	0	0	0	0	0
3		Đội tuyển	12	4.0	8	36.4	4	1.0
4		Nhóm, lớp	146	48.7	112	50.9	34	42.5
5		Câu lạc bộ thể thao	52	17.3	41	18.6	11	13.8
6		Tự tập luyện	218	72.7	189	85.9	29	36.3
7	Hình thức tổ chức tập luyện	Không có hướng dẫn	273	91.0	208	94.6	65	81.3
8		Có hướng dẫn	17	5.7	8	3.6	9	11.2
9		Kết hợp	10	3.3	4	1.8	6	7.5

Bảng 2. Thực trạng cơ sở vật chất, sân bãi phục vụ cho các hoạt động công tác TDTT của Nhà trường.

TT	Loại sân bãi	Số lượng	Chất lượng	Đáp ứng nhu cầu tập luyện (%)
1	Sân bóng đá 60 x100m	02	Sân đất	50
2	Sân bóng đá 7 người	04	Cỏ nhân tạo	70
3	Sân bóng rổ	01	Bê tông	30
4	Sân bóng chuyền	07	Bê tông	80
5	Sân cầu lông	02	Nền cao su	30
6	Đường chạy (điền kinh)	03	Bê tông	80
7	Xà đơn, xà kép	21	Sắt	90
8	Hố nhảy cao (bằng đệm)	01	Mút	50
9	Hố nhảy xa	02	Cát	70
10	Nhà thi đấu đa năng	01	-	40
11	Trường bắn súng quân dụng	0	0	0
12	Nhà tập võ	Tập tại nhà thi đấu đa năng		
13	Phòng tập thể hình	01	Xã hội hóa	50
14	Phòng bắn điện tử	0	0	0
15	Bể bơi (xã hội hóa)	01	25m	30

nhóm nghiên cứu cũng tiến hành khảo sát và phỏng vấn trực tiếp các cán bộ, giáo viên, học viên hiện đang công tác, giảng dạy và học tập tại nhà trường về số lượng và chất lượng cơ sở vật chất, sân tập, dụng cụ phục vụ cho tập luyện TDTT của Nhà trường, được trình bày tại bảng 2.

Kết quả bảng 2 cho thấy, cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ phục vụ cho công tác TDTT của Nhà trường trong những năm gần đây chưa được đầu tư và chưa bảo đảm được nhu cầu tập luyện TDTT của CBCS nhà trường (hiện nay nhà trường mới được đầu tư xây dựng 04 sân bóng đá 7 người, mặt cỏ nhân tạo), về cơ bản môn bóng đá đã đáp ứng nhu cầu, còn lại các hạng mục công trình phục vụ tập luyện TDTT khác thì còn thiếu và chất lượng kém.

Trên thực tế, số lượng sân bãi, dụng cụ cho giảng

dạy và tập luyện TDTT trong những năm gần đây có được cải thiện nhưng so với yêu cầu giảng dạy chính khoá, các hoạt động phong trào và tổ chức các hoạt động thi đấu thì còn thiếu thốn, nhất là tình trạng hiện nay, các loại hình đào tạo được mở rộng. Đặc biệt hơn, học viên của Nhà trường khi học tập tại trường đều bắt buộc là 100% nội trú, dẫn đến nhu cầu tham gia tập luyện TDTT ngoại khoá là rất lớn, chính vì vậy sân bãi, dụng cụ tập luyện, vẫn chưa đáp ứng đủ và đảm bảo chất lượng yêu cầu cho người tập.

Để phát triển phong trào tập luyện TDTT cho CBCS của Nhà trường trong những năm tới, chúng tôi cho rằng việc tăng cường, bổ sung thêm cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ tập luyện, đặc biệt là khai thác tối đa cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình giảng dạy và phát triển phong trào TDTT trong Nhà trường

Bảng 3. Thực trạng thời lượng, thời điểm và số lần tập luyện TDTT của CBCS Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND.

TT	Nội dung	Mức độ trả lời	Tổng số (n = 300)		Giới tính			
					CBCS nam (n = 220)		CBCS nữ (n = 80)	
			m_i	%	m_i	%	m_i	%
1	Thời lượng tập luyện trong một ngày	< 60 phút	176	58.7	118	53.6	58	72.5
		60 - 90 phút	124	41.3	102	46.4	22	27.5
2	Thời điểm tập luyện.	5h00 - 6h30	62	20.7	48	21.8	14	17.5
		16h00 - 18h00	238	79.3	172	78.2	66	82.5
3	Số buổi tập luyện trong tuần.	1-2 buổi	157	52.3	114	51.8	43	53.8
		> 2 buổi	143	47.7	106	48.2	37	46.2

Bảng 4. Kết quả lựa chọn tập luyện môn thể thao của CBCS Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND (n = 300)

TT	Môn TT lựa chọn tập luyện ngoại khóa	Kết quả	
		m_i	%
1	Bóng rổ	26	8.6
2	Cầu lông	105	35.0
3	Bóng chuyền (gồm cả bóng chuyền hơi)	119	39.7
4	Bóng đá	186	62.0
5	Thể hình và Aerobic	42	14.0
6	Bóng bàn	29	9.7
7	Điền kinh	73	24.3
8	Bơi	64	21.3
9	Võ	13	4.3
10	Tập xà đơn, xà kép và nằm sấp chống đẩy	67	22.3
11	Đi bộ thể thao	55	18.3
12	Đá cầu	38	12.7

phải được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng để phát triển phong trào tập luyện TDTT cho CBCS, từ đó nâng cao được sức khoẻ cho CBCS trong Nhà trường.

2.3. Thực trạng về thời lượng, thời điểm và số lần tập luyện thể dục thể thao của CBCS Nhà trường

Nhằm đánh giá thực trạng về thời lượng, thời điểm và số lần tập luyện TDTT trong tuần của CBCS Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND, đề tài tiến hành phỏng vấn CBCS của nhà trường, kết quả được trình bày tại bảng 3.

Kết quả bảng 3 cho thấy, đại đa số CBCS tập luyện với thời lượng ít hơn 60 phút, chiếm tỷ lệ 58.7%, còn số tập luyện từ 60 đến 90 phút thì ít hơn, chiếm tỷ lệ 41.3%; thời điểm mà CBCS lựa chọn để tập luyện TDTT hằng ngày chủ yếu là lúc hết giờ làm việc, học tập trong ngày, chiếm 79.3%; tham gia tập luyện TDTT thường xuyên hay không cũng được thể hiện qua số lượng buổi tập TDTT trong tuần của CBCS là tương đối ít (CBCS tập từ 1-2 buổi trong tuần chiếm tỷ lệ 52.3%; CBCS tập TDTT trong tuần từ 3 buổi trở lên chỉ đạt tỷ lệ 47.7%).

Bên cạnh đó, nếu xét theo đặc điểm giới tính, thì cho thấy ở cả nam và nữ đều có trả lời: đại đa số dành thời gian tập luyện TDTT trong một buổi với thời gian ít hơn 60 phút (lần lượt là 53.6% đối với nam và 72.5% đối với nữ); thời điểm tập luyện trong ngày từ 16 giờ 00 đến 18 giờ 00 (lần lượt là 78.2% đối với nam và 82.5% đối với nữ); số buổi tập trong tuần ở cả nam và nữ cũng tương đồng nhau, đa phần

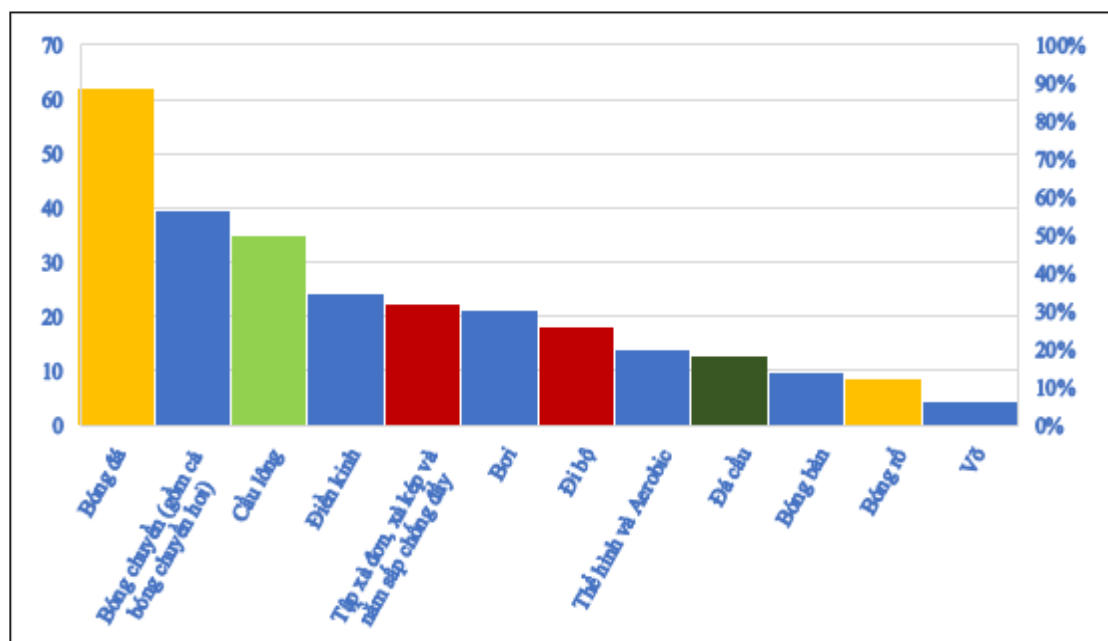
là chỉ tập 1 - 2 buổi trong một tuần.

Như vậy có thể thấy rằng phong trào tập luyện TDTT của CBCS nhà trường là chưa tốt, chưa được CBCS xem trọng và quan tâm đến rèn luyện sức khoẻ cho bản thân, từ đó dẫn đến phong trào tập luyện TDTT của CBCS trong nhà trường là rất thấp.

2.4. Thực trạng nội dung tập luyện thể dục thể thao của CBCS Nhà trường

Để đánh giá thực trạng nội dung tập luyện thể dục thể thao của CBCS Nhà trường thông qua việc lựa chọn tham gia tập luyện các môn thể thao. Kết quả được trình bày tại bảng 4 và biểu đồ 1.

Kết quả bảng 4 và biểu đồ 1 cho thấy, số CBCS lựa chọn nội dung tập luyện theo các môn riêng lẻ xét trên cả mặt tổng thể là khác nhau. Đặc biệt đáng chú ý là CBCS rất muốn tham gia tập luyện bóng đá chiếm 62.0%; tiếp đến là Bóng chuyền (gồm cả bóng chuyền hơi) chiếm 39.7%; Cầu lông chiếm 35% vượt trội hơn các môn thể thao khác. Điều này có thể lý giải được rằng CBCS cũng đã quan tâm đến việc tập luyện TDTT, rất muốn tham gia tập luyện các môn thể thao cần thiết nâng cao sức khoẻ, đáp ứng được yêu cầu công tác. Tuy nhiên, Bóng đá, Bóng chuyền là môn thể thao thể hiện tính đồng đội cao và rèn luyện thể lực rất tốt, còn Cầu lông là môn thể thao dễ tập, ít gây chấn thương nhưng lại là môn thể thao đòi hỏi khéo léo, có địa điểm tập luyện và đặc biệt là cần kinh phí tập luyện cũng tương đối cao, môn Điền kinh thì có thể tập luyện ở mọi địa hình... Chính vì vậy, việc CBCS



Biểu đồ 1. Nhu cầu luyện tập các môn thể thao của CBCS Trường Đại học Kỹ thuật-Hậu cần CAND

chọn các môn này cũng thể hiện nhu cầu thực sự thiết thực của CBCS và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

Trên đây là những cơ sở hết sức có giá trị để lựa chọn nội dung hoạt động thể thao phù hợp, tổ chức quá trình hoạt động đi đúng hướng đáp ứng được nguyện vọng, sở thích, nhu cầu của CBCS nhà trường. Qua thực tế khảo sát và đánh giá cho thấy, khi tổ chức hoạt động thể thao cần đưa các môn mà được CBCS lựa chọn nhiều nhất vào tập luyện, có như vậy mới thu hút được sự hưởng ứng của đông đảo CBCS trong toàn trường. Đối với những CBCS không thích tập luyện thì cần phải tư vấn, động viên từ đó lựa chọn nội dung tham gia hoạt động tập luyện thể dục, thể thao cho phù hợp.

Qua các cơ sở phân tích và đánh giá trên, đề tài xác định được một trong các nguyên nhân dẫn đến việc CBCS không đi tập hoặc ít tham gia các hoạt động TDTT đó là nhu cầu và thái độ của CBCS đối với sức khỏe của bản thân chưa thực sự tốt, chưa đúng đắn trong việc hiểu lợi ích của tập luyện TDTT để từ đó có thể tự giác, tích cực tập luyện nâng cao thể chất của bản thân. Việc nâng cao ý thức tự giác trong tập luyện TDTT cũng như nhận thức đúng về vai trò của TDTT trong việc củng cố và nâng cao sức khỏe của CBCS còn nhiều bất cập. Chưa có biện pháp động viên kịp thời, cũng như chính sách cho cán bộ khi tham gia tổ chức huấn luyện và hướng dẫn ngoài giờ cho CBCS.

Như vậy, qua khảo sát thực trạng về các môn TDTT được CBCS nhà trường lựa chọn tập luyện rất phong phú, đa dạng và số lượng CBCS tham gia tập luyện cũng phân tán ở nhiều môn, với tỉ lệ khác nhau, song từ thực tế cho thấy, các môn TDTT được CBCS tham tập luyện nhiều nhất là: Bóng đá, Bóng chuyền, Cầu lông đây các môn thể thao được CBCS lựa chọn để tập luyện đều là các môn thể thao về cơ

bản được trang bị cơ sở, vật chất phục vụ tập luyện được đầy đủ hơn, để tập luyện và đây cũng là những môn thể thao có sức hấp dẫn đối với CBCS hiện nay.

2.5. Thực trạng các yếu tố khác đảm bảo cho hoạt động tập luyện thể dục thể thao của CBCS Nhà trường

2.5.1. Thực trạng đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên TDTT của Nhà trường

Thực trạng đội ngũ giáo viên Khoa Quân sự, võ thuật, TDTT của nhà trường (trong đó có giảng dạy và huấn luyện các môn thể thao), giai đoạn từ năm 2015 đến nay, được trình bày ở bảng 5.

Từ kết quả bảng 5 cho thấy, về trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên Khoa Quân sự, võ thuật, TDTT từ năm 2021 đến nay thì 100% đều đã tốt nghiệp thạc sĩ và tiến sĩ, thâm niên công tác trên 10 năm, chiếm tỷ lệ 77.8%. Về độ tuổi cho thấy, hiện nay do Bộ Công an không thực hiện chính sách tuyển ngoài ngành, vì vậy đội ngũ giáo viên của Khoa Quân sự, võ thuật, TDTT hiện nay là 100% có tuổi đời từ trên 30 tuổi đến dưới 50 tuổi, đây là điều kiện thuận lợi lớn để thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, tổ chức tập luyện và huấn luyện các đội tuyển thể thao Nhà trường... Tuy nhiên, về thực tế giáo viên tham gia tổ chức hướng dẫn cho CBCS tập luyện TDTT lại chưa được quan tâm.

Từ kết quả nghiên cứu trên cho thấy, vấn đề hướng dẫn CBCS tập luyện TDTT ngoại khóa chưa được quan tâm đúng mức, rất mong các cấp lãnh đạo nhà trường quan tâm (đặc biệt là sự quan tâm của Ban giám hiệu trường), tạo điều kiện về mọi mặt để tìm ra giải pháp nhằm phát triển phong trào tập luyện TDTT cho CBCS trong nhà trường.

2.5.2. Thực trạng nhận thức của CBCS về vai trò của tập luyện thể dục thể thao

Việc nhận thức về vai trò của tập luyện TDTT có thể đúng đắn hay lệch lạc, tùy thuộc vào mức độ

Bảng 5. Thực trạng đội ngũ giáo viên Khoa Quân sự, võ thuật, TDTT

Giai đoạn	Tổng số giáo viên		Thâm niên			Trình độ đào tạo					Tuổi đời			
			> 10 năm	< 10 năm	< 5 năm	PGS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	> 50 tuổi	40 - 50	< 40 tuổi	< 30 tuổi
2015	m ₁	16	4	5	7	0	1	6	9	0	0	4	9	3
- 2020	Tỷ lệ %	100	25	31.3	43.7	0	6.3	37.5	56.2	0	0	25	56.2	18.8
2021	m ₁	9	7	2	0	0	1	8	0	0	0	2	7	0
- 2023	Tỷ lệ %	100	77.8	22.2	0	0	11.1	88.9	0	0	0	22.2	77.8	0

hiểu biết của mỗi người, đối với mỗi người chúng ta cần có nhận thức đúng thì mới có hành động đúng. Xuất phát từ những quan điểm trên, chúng tôi đánh giá thực trạng về nhận thức của CBCS nhà trường về vai trò của hoạt động tập luyện TDTT, rèn luyện sức khỏe, thông qua việc phỏng vấn CBCS của nhà trường để từ đó có cái nhìn tổng quát về vấn đề nhận thức của CBCS nhà trường, để điều chỉnh cũng như định hướng cho CBCS nhà trường hiểu được ý nghĩa vai trò của hoạt động tập luyện TDTT rèn luyện sức khỏe cho bản thân. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 6.

Từ bảng 6 cho thấy, nhận thức về mặt tích cực của

tập luyện TDTT có 250 ý kiến, chiếm 83.3%, trong đó: có 18.0% CBCS cho rằng TDTT ngoại khóa góp phần giúp giải trí và thư giãn; có 17.2% CBCS cho rằng TDTT giúp rèn luyện ý chí; có 64.8% cho rằng TDTT giúp rèn luyện sức khỏe; nhận thức về mặt tiêu cực của tập luyện TDTT có 50 ý kiến, chiếm 16.7%. Đặc biệt đối với nhận thức về mức độ cần thiết hay không cần thiết tập luyện TDTT vẫn còn số người trả lời “không cần thiết tập luyện TDTT” chiếm tỷ lệ 21.0% số người được phỏng vấn, trong khi số người trả lời “rất cần thiết” cũng chỉ chiếm 45.0% Như vậy, có thể thấy rằng bản thân CBCS đã nhận thức được vai trò của TDTT đối với việc rèn

Bảng 6. Nhận thức của CBCS về vai trò của tập luyện TDTT

Nhận thức	Nội dung phỏng vấn	Tổng CBCS (n = 300)	
		m _i	%
Nhận thức tích cực.	Giải trí, thư giãn	45	18.0
	Rèn luyện ý chí	43	17.2
	Rèn luyện sức khỏe	162	64.8
Nhận thức tiêu cực.	Không cần thiết	3	6.0
	Mất thời gian	8	16.0
	Tốn kém	18	36.0
	Nguy hiểm	21	42.0
Nhận thức về mức độ cần thiết hay không cần thiết tập luyện TDTT	Rất cần thiết	135	45.0
	Bình thường	102	34.0
	Không cần thiết	63	21.0

Bảng 7. Kết quả phỏng vấn xác định các nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng đến quá trình tập luyện TDTT của CBCS trong nhà trường

TT	Nội dung	Đối tượng phỏng vấn (n = 300)					
		Cán bộ quản lý (n = 30)		Giáo viên (n = 60)		Học viên (n = 210)	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%
Nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình tham gia tập luyện TDTT của CBCS							
1	Không có tổ chức	12	40.0	23	38.3	62	29.6
2	Không có mục đích cụ thể	0	0	2	3.3	8	3.8
3	Không có đủ dụng cụ tập luyện	14	46.7	31	51.7	128	60.9
4	Không có người hướng dẫn	4	13.3	4	6.7	12	5.7
Nguyên nhân cơ bản hạn chế phong trào tập luyện thể dục thể thao của CBCS							
1	Thiếu cơ sở vật chất và giáo viên hướng dẫn tập luyện TDTT	12	40.0	18	30.0	92	43.8
2	Các nội dung tập luyện TDTT chưa phù hợp	23	76.7	56	93.3	183	87.1
3	Hình thức tập luyện chưa phù hợp với nhu cầu của CBCS	28	93.3	45	75.0	172	81.9
4	Do không có thời gian	26	86.7	46	76.7	152	72.4
5	Do nhận thức chưa đúng đắn	12	40.0	16	26.7	74	35.2

luyện sức khỏe cho bản thân.

2.5.3. Xác định các nguyên nhân cơ bản làm ảnh hưởng đến việc tập luyện và hạn chế phong trào tập luyện thể dục thể thao của CBCS trong nhà trường

Để xác định các nguyên nhân cơ bản làm ảnh hưởng đến quá trình tập luyện TDTT của CBCS và làm hạn chế phong trào tập luyện thể dục thể thao của CBCS trong nhà trường, chúng tôi tiến hành tìm hiểu (bằng phỏng vấn) để xác định những nguyên nhân cơ bản làm hạn chế phong trào tập luyện thể dục thể thao của CBCS trong nhà trường. Kết quả được trình bày tại bảng 7.

Từ kết quả bảng 7 cho thấy, kết quả tìm hiểu cán bộ quản lý, cán bộ giáo viên và học viên trong nhà trường đều cho thấy thực trạng nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình tham gia tập luyện TDTT của CBCS nhà trường được xác định có 03 nguyên nhân chính đó là: “Không có tổ chức; Không có đủ dụng cụ tập luyện; Không có người hướng dẫn”, cả 3 nguyên nhân này có tỷ lệ tương đối là tương đồng nhau ở cả 3 đối tượng được phỏng vấn. Đối với nguyên nhân làm hạn chế phong trào tập luyện TDTT của CBCS thì có từ 72.4% trở lên cho rằng các nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc hạn chế phong trào tập luyện thể dục thể thao của CBCS trong nhà trường là: «Các nội dung tập luyện chưa phù hợp, hình thức tập luyện chưa phù hợp với nhu cầu của CBCS và do không có thời gian», đây sẽ là cơ sở để đề tài lựa chọn các giải pháp khắc phục nhằm phát triển phong trào tập luyện thể dục thể thao của CBCS trong nhà trường.

3. KẾT LUẬN

Thông qua các kết quả nghiên cứu ở trên chúng tôi đã xác định được các yếu tố và nguyên nhân ảnh hưởng đến phong trào tập luyện TDTT của CBCS nhà trường như sau: Thực trạng về hình thức hoạt động tập luyện TDTT của CBCS Nhà trường cho thấy là đồng đều; cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ tập luyện còn thiếu, chưa đáp ứng được; phong trào tập luyện TDTT của CBCS nhà trường là chưa tốt, chưa được CBCS xem trọng và quan tâm đến rèn luyện sức khỏe cho bản thân; hướng dẫn CBCS tập luyện TDTT ngoại khóa chưa được quan tâm đúng mức, rất mong các cấp lãnh đạo nhà trường quan tâm (đặc biệt là sự quan tâm của Ban giám hiệu trường), tạo điều kiện về mọi mặt để tìm ra giải pháp nhằm phát triển phong trào tập luyện TDTT cho CBCS trong nhà trường; nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình tham gia tập luyện TDTT của

CBCS nhà trường được xác định có 03 nguyên nhân chính đó là: “Không có tổ chức; Không có đủ dụng cụ tập luyện; Không có người hướng dẫn”; nguyên nhân dẫn đến việc hạn chế phong trào tập luyện thể dục thể thao của CBCS trong nhà trường là: “Các nội dung tập luyện chưa phù hợp, hình thức tập luyện chưa phù hợp với nhu cầu của CBCS và do không có thời gian”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Nguyễn Kim Huy và cộng sự (2023), “*Giáo trình Giáo dục thể chất*”, sách dùng cho học viên hệ đại học, Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND, Lưu hành nội bộ, Nxb CAND.
2. Nguyễn Kim Huy (2023), “*Nghiên cứu giải pháp phát triển phong trào tập luyện thể dục thể thao cho cán bộ chiến sĩ trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND*”, Đề tài NCKH cấp cơ sở, Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND.
3. Lê Văn Lãm, Nguyễn Xuân Sinh, Phạm Ngọc Viễn, Lưu Quang Hiệp (2012), *Giáo trình Phương pháp lý luận và nghiên cứu khoa học TDTT*, Nxb TDTT Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Văn (2000), *Phương pháp thống kê trong Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: được trích từ kết quả nghiên cứu của Đề tài NCKH cấp cơ sở “*Nghiên cứu giải pháp phát triển phong trào tập luyện thể dục thể thao cho cán bộ chiến sĩ trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND*”, Nguyễn Kim Huy, Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND, 2023.

Ngày nhận bài: 12/2/2024; **Ngày duyệt đăng:** 14/4/2024.

